

Bản án số: 625/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Không tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2022/QĐXX - ST ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 1994

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Ông Phạm Đức Th, sinh năm 1992

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T30 Củ Chi, TPHCM

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm D và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Cẩm D và ông Phạm Đức Th chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 201, quyền số 02/2015 do Ủy ban nhân dân phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/12/2015. Ông bà chung sống có hai con chung tên Phạm Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/9/2016 và Phạm Nguyễn Đức Th, sinh ngày 03/10/2018. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Tính tình cả hai không còn hòa hợp và niềm tin đối với nhau không còn. Vợ chồng nhiều lần cãi vã dẫn đến xúc phạm nhau, xô sát nhau. Tháng 12/2020 ông Th bị bắt về tội trộm cắp tài sản và đang bị tạm giam tại trại

tạm giam T30 Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị ly hôn ông Th để ổn định cuộc sống sau này. Về con chung, do ông Th đang bị tạm giam và còn phải thi hành án về tội trộm cắp nên bà D đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung; Không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không có. Ngày 25/4/2022 bà D nộp đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử các cấp.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Phạm Đức Th trình bày:

Ông Th bị bắt tạm giam tính tới ngày 07/4/2022 là 15 tháng. Trước khi bị tạm giam ông và bà D đã sống ly thân 06 tháng. Trường hợp bà D cương quyết ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung, ông Th khai có hai con chung như bà D trình bày. Ông Th mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nguyễn Đức Th, sinh ngày 03/10/2018; Ông Th chỉ đồng ý giao trẻ Phạm Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/9/2016 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tài sản chung không có. Ông Th đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc như phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử các cấp, do ông phải đi chấp hành hình phạt tù.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn cư trú tại số --- quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 201, quyền số 02/2015 do Ủy ban nhân dân phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/12/2015; Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

2.1 Về mâu thuẫn vợ chồng:

Các đương sự bất đồng quan điểm trong thời gian chung sống, tính tình không còn hòa hợp. Cả hai xác nhận đã sống ly thân trong một thời gian dài, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lo lắng cho nhau. Nguyên đơn xác định tình cảm dành cho bị đơn không còn nên cương quyết ly hôn và bị đơn đồng ý. Điều này chứng tỏ sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình của các đương sự không còn nữa, đời sống vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để các đương sự tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung:

Có hai con chung tên Phạm Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/9/2016 và Phạm Nguyễn Đức Th, sinh ngày 03/10/2018.

Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến trưởng thành và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung là trẻ Phạm Nguyễn Đức Th, sinh ngày 03/10/2018 và chỉ đồng ý giao cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Phạm Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/9/2016.

Xét, bị đơn khai tính đến ngày 07/4/2022 thì bị đơn đã bị tạm giam 15 tháng, vụ án vẫn chưa đưa ra xét xử và bị đơn còn phải chấp hành hình phạt tù nên không biết thời gian thi hành hình phạt tù của bị đơn tiếp theo sẽ là bao lâu. Mặt khác, thời gian qua cả hai con chung đã có cuộc sống ổn định nên vì quyền lợi của trẻ em cần tiếp tục duy trì việc nuôi con hiện nay như trình bày của nguyên đơn. Do đó, đề nghị của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm D được ly hôn ông Phạm Đức Th. Giấy chứng nhận kết hôn số 201, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/12/2015 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Cẩm D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/9/2016 và Phạm Nguyễn Đức Th, sinh ngày 03/10/2018 cho đến khi trưởng thành.

Ông Phạm Đức Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Cẩm D không yêu cầu ông Phạm Đức Th cấp dưỡng nuôi con. Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Cẩm D chịu, nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng bà D đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2021/0047941 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Bà Nguyễn Thị Cẩm D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị

